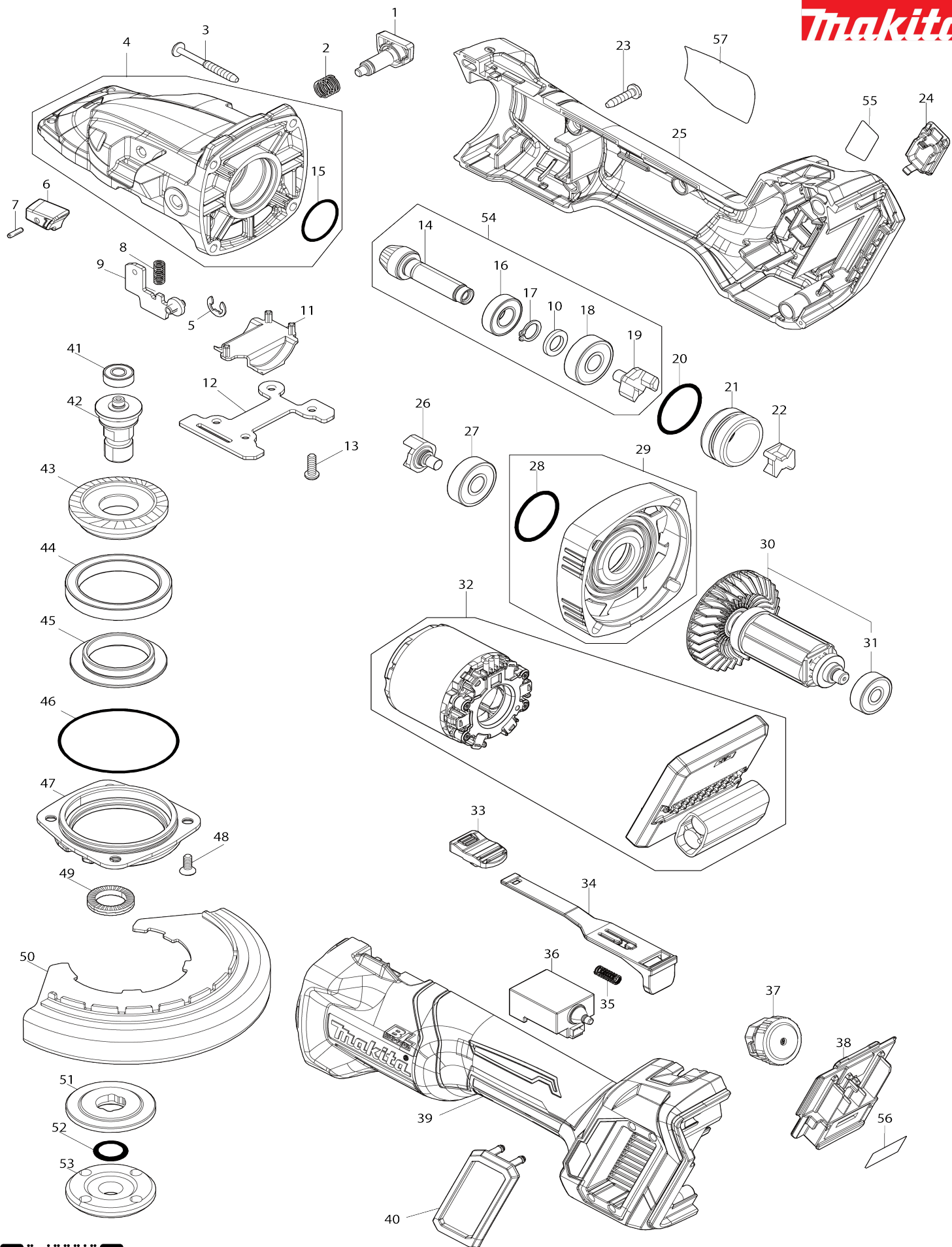




Model No.GA055G 125MM DC FLAT-HD ANGLE GRINDER

Bản vẽ	Mã Phụ tùng	Mô tả	Tương ứng với	Số lượng	Cũ/ Mới	Giá bán (VNĐ)	Giá nhập (VNĐ)	Ghi chú 1	Ghi chú 2
001	137404-4	PIN CAP ASS'Y		1					
002	232926-0	Lò xo nển 9		1					
003	266048-4	Vít tự cắt ren đầu siết 4X40		4					
004	137385-2	GEAR HOUSING ASS'Y		1					
C10	263002-9	Chốt cao su 4		1					
004		INC. 15							
005	961012-7	Vòng chặn (EXT) E-6		1					
006	4132B5-1	Nắp cần gạt		1					
007	258021-8	Chốt ghim 2-9		1					
008	232490-1	Lò xo nển 4		1					
009	1411A0-5	Bộ thanh chuyển		1					
010	253639-0	WASHER 9		1					
011	422C20-6	Nắp bảo vệ		1					
012	347D52-7	Giá đỡ dưới		1					
013	911117-3	Vít đầu dùi M4X12		4					
014	227C01-3	Nhông côn xoắn 10		1					
015	213961-7	Vòng đệm-o 22		1					
016	210214-5	Bạc đạn 6900DDW		1					
017	961006-2	Vòng giữ (ext) S-10		1					
018	210042-8	Bạc đạn 629LLB		1					
019	324639-8	Chén khóa chốt		1					
020	213445-5	Vòng đệm-o 26		1					
021	327E79-9	Chụp giữ mũi 23		1					
022	422C57-3	Đế chặn		1					
023	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		5					
024	4132B6-9	Nắp		1					
025	183W44-4	Bộ vỏ ngoài động cơ		1					
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2					
025		INC. 39							
026	324639-8	Chén khóa chốt		1					
027	210042-8	Bạc đạn 629LLB		1					
028	213445-5	Vòng đệm-o 26		1					
029	136989-7	Bộ vỏ chứa nhông		1					
029		INC. 28							
030	519890-5	ROTOR ASS'Y		1					
030		INC. 31							
031	210023-2	Bạc đạn 627DDW		1					
032	629D01-9	STATOR COMPLETE		1					
033	455447-7	Núm công tắc		1					
034	412233-9	Thanh gạt công tắc		1					
035	233121-5	Lò xo nển 4		1					
036	651445-1	Công tắc FPM-1130		1					
037	620D30-5	Mạch tốc độ		1					
038	632P65-6	Bộ thiết bị đầu cuối		1					
039	183W44-4	Bộ vỏ ngoài động cơ		1					
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2					
039		INC. 25							
040	422610-7	Miếng kẽm lọc bụi		1					

041	210033-9	Bạc đạn 696ZZ		1				
042	327E75-7	SPINDLE		1				
043	227C02-1	Nhông côn xoắn 37		1				
044	210324-8	Bạc đạn 6808LLB		1				
045	327E78-1	Chốt giữ ổ đệm 31-48		1				
046	213673-2	Vòng đệm-o 52		1				
047	312H79-0	Hộp ổ đệm		1				
048	265135-6	Vít đầu chìm M4X10		4				
049	253627-7	LEAD WASHER 15		1				
050	1410Y9-9	WHEEL COVER 125 COMPLETE		1				
C10	8086D8-0	CAUTION LABEL		1				
051	224641-0	INNER FLANGE 45		1				
052	213910-4	Vòng đệm-o 11		1				
053	224485-8	Đai ốc khóa 14-45		1				
054	137408-6	SPIRAL BEVEL GEAR 10 ASS'Y		1				
054		INC. 10,14,16-19						
055	8085A5-9	INDICATION LABEL		1				
056	8149S9-1	GA055G SERIAL NO. LABEL		1				
057	8149S8-3	GA055G NAME PLATE		1				
A01	141J72-7	Tay nắm hoàn chỉnh 35		1				
A02	327405-2	ADAPTER		1				
A03	162D72-8	WHEEL COVER 125C		1				
A04	782423-1	Khóa mở đai ốc 35		1				
F01	1910X6-8	Bộ tay nắm 35		1				
F03	194514-0	Bộ tay cầm chống rung		1				